

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi : HỘI ĐỒNG KHOA HỌC HUYỆN BA VÌ

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC TRƯỜNG TIỂU HỌC THUẦN MỸ

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên sáng kiến
Lương Thị Tốt	09/06/1978	Trường Tiểu học Thuần Mỹ	Giáo viên	Đại học	<i>Một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng học môn Luyện từ và câu cho HS ở lớp 4</i>

- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến : Tiếng Việt

- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử : 13/9/2023

- Mô tả bản chất của sáng kiến

- Qua quá trình dạy học nhiều năm ở tiểu học, được trực tiếp thâm nhập vào quá trình dạy Luyện từ và câu ở lớp 4, tôi nhận thấy đa phần những hạn chế trong môn môn Luyện từ và câu của học sinh bắt nguồn từ những nguyên nhân sau:

+ GV chưa thực sự quan tâm chất lượng HS, từ đó đã không phụ đạo ,sửa chữa kịp thời nội dung hay sai.

+ Vì cho rằng SGK là pháp lệnh nên GV đã quá bám sát nội dung sách quên đi tình hình thực tế, không chú ý đối tượng học thuộc mức độ, trình độ nhận thức như thế nào.

+ Quy tắc bài học được GV trang bị, áp đặt sẵn hoặc liên hệ quá nhiều kiến thức đã học hay đơn điệu hoá phương pháp mà không để HS tự chiếm lĩnh qua các kiến thức.

+ Lỗi từ phía HS, các em không thích học Luyện từ và câu, không có thói quen xung phong phát biểu, xung phong lên bảng thực hiện bài, chỉ thụ động chờ nhìn bài của bạn hoặc có em lại quá hiếu động, hay làm việc riêng nên không chú ý nghe hướng dẫn, sửa bài.

Trước những thực trạng đó, tôi nhận thấy mình cần phải có những giải pháp giúp các em nâng cao chất lượng học môn Luyện từ và câu đạt hiệu quả cao nhất.

- **Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả** : Trong quá trình giảng dạy, bản thân tôi đã vận dụng những phương pháp đổi mới và những phương pháp nêu ở trên vào dạy học Luyện từ và câu. Kết quả cho thấy bước đầu học sinh đã có những chuyển biến về tâm lý, khả năng nhận diện, tiếp thu kiến thức của các em tăng lên rõ rệt. Giờ học sôi nổi, vui vẻ, nhẹ nhàng, không còn căng thẳng, nặng nề như trước.

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thuận Mỹ, ngày 6 tháng 4 năm 2024

Người nộp đơn

Lương Thị Tốt

UBND HUYỆN BA VÌ
TRƯỜNG TIỂU HỌC THUẦN MỸ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

- Họ tên tác giả : Lương Thị Tốt
- Tên đề tài: Một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng học môn Luyện từ và câu cho học sinh ở lớp 4.
- Lĩnh vực: Tiếng Việt.

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa
1	Sáng kiến có tính mới	
1.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	30
1.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	20
1.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	10
1.4	Không có tính mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có	0
<u>Nhận xét:</u>		
2	Sáng kiến có tính áp dụng	
2.1	Có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn ngành hoặc rộng hơn	30
2.2	Có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân ra một số đơn vị có cùng điều kiện	20
2.3	Có khả năng áp dụng trong đơn vị	10
2.4	Không có khả năng áp dụng trong đơn vị	0
<u>Nhận xét:</u>		
3	Sáng kiến có tính hiệu quả	
3.1	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa	30
3.2	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội	20
3.3	Có hiệu quả, lợi ích phù hợp với mức độ phù hợp tại đơn vị	10
3.4	Không có hiệu quả cụ thể	0
<u>Nhận xét:</u>		
4	Điểm trình bày	
4.1	Trình bày khoa học, hợp lý	10
4.2	Trình bày chưa khoa học, chưa hợp lý	5

Nhận xét:

Tổng cộng: **điểm**

Đánh giá: ☐Đạt

☐Không đạt

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

PHẦN THỨ NHẤT : ĐẶT VẤN ĐỀ

I. Lý do chọn đề tài:

Tiếng Việt là một trong những môn học quan trọng và cần thiết nhất ở bậc Tiểu học. Bên cạnh việc học Toán để phát triển tư duy logic cho con, việc học Tiếng Việt sẽ giúp các con hình thành và phát triển tư duy ngôn ngữ. Thông qua môn Tiếng Việt, các con sẽ được học cách giao tiếp, truyền đạt tư tưởng, cảm xúc của mình một cách chính xác và biểu cảm. Mục tiêu của môn Tiếng Việt trong chương trình tiểu học mới là hình thành và phát triển ở học sinh các kỹ năng sử dụng Tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) để học tập và giao tiếp trong môi trường hoạt động của lứa tuổi. Mục tiêu đó đã đặt ra cho những người thầy, người cô phải luôn suy nghĩ, tìm tòi để có phương pháp dạy học môn Luyện từ và câu sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

-Mục tiêu của phân môn Luyện từ và câu là sự cụ thể hoá mục tiêu của môn học Tiếng Việt - dạy cho HS sử dụng Tiếng Việt làm công cụ giao tiếp và học tập. Thể hiện ở chương trình, SGK: việc lựa chọn sắp xếp nội dung cũng đảm bảo nguyên tắc giao tiếp: coi trọng thực hành giao tiếp, coi trọng việc tạo tình huống giao tiếp cho người học; các khái niệm lý thuyết cũng được hình thành từ việc thực hành giao tiếp của người học và được xây dựng dưới dạng qui tắc hướng dẫn hoạt động giao tiếp; ngữ liệu sinh động, chân thực gắn gũi với đời sống giao tiếp hàng ngày. Luyện từ và câu là phân môn của môn Tiếng Việt, thông qua phân môn này, học sinh biết: Mở rộng và hệ thống hóa vốn từ, trang bị cho học sinh một số hiểu biết cơ bản về từ và câu. Rèn cho học sinh kỹ năng dùng từ và câu, sử dụng dấu câu phù hợp. Bồi dưỡng học sinh thói quen dùng từ đúng, nói và viết thành câu. Có ý thức sử dụng Tiếng Việt trong văn hóa giao tiếp. Có lẽ vì thế mà môn Luyện từ và câu trong sách Tiếng Việt lớp 4 thường được đánh giá là khô khan, trừu tượng trong các phân môn của Tiếng Việt.

Luyện từ và câu là môn học đóng vai trò quan trọng hàng đầu bởi nó dạy cho học sinh, cung cấp cho các em vốn tri thức Tiếng Việt ban đầu nhằm phục vụ cho việc tiếp thu các môn học khác một cách dễ dàng hơn. Hay khi tiếp xúc với một số tác phẩm văn học ta phải biết những từ ngữ tác giả sử dụng trong đó với dụng ý gì, cấu trúc câu trong đó như thế nào hay từ láy, từ ghép đó được dùng để làm gì?... *Làm thế nào để dạy học tốt phân môn luyện từ và câu góp phần nâng cao chất lượng của môn Tiếng Việt?* Đây là nỗi trăn trở của rất nhiều thầy cô đang trực tiếp đứng lớp, luôn tìm tòi nghiên cứu tìm biện pháp thích hợp nâng cao chất lượng giảng dạy.

Qua thực tế giảng dạy, tôi nhận thấy nội dung phân môn luyện từ và câu là phù hợp với năng lực nhận thức của các em. Nếu người giáo viên có phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, tổ chức hướng dẫn các hoạt động một cách linh hoạt, nhẹ nhàng, thì các em sẽ rất hứng thú, chủ động nắm chắc kiến thức. Ngoài ra trong các nội dung của Luyện từ và câu thì giáo viên thường xem nhẹ phần mở rộng vốn từ, học sinh không biết thì giáo viên tìm giúp nên các em thường rất thụ động dẫn đến vốn từ nghèo nàn, việc dùng từ khi viết văn chưa hay ảnh hưởng chung đến chất lượng môn Tiếng Việt.

Sau đây tôi xin nêu một vài kinh nghiệm để dạy học tốt phân môn Luyện từ và câu lớp 4 mà tôi đã rút ra được trong quá trình giảng dạy.

Với vai trò vị trí của bộ môn Tiếng Việt cùng với phân môn Luyện từ và câu trong hệ thống các môn học, tôi nghĩ rằng: Đổi mới phương pháp dạy học Tiếng Việt nói chung và nâng cao hiệu quả giảng dạy Luyện từ và câu là một vấn đề liên tục. Xuất phát từ những lí do trên, tôi chọn đề tài “ *Một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng học môn Luyện từ và câu cho HS ở lớp 4*”.

II - Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 4 năm 2024.

III - Đối tượng nghiên cứu và khách thể nghiên cứu.

- Đối tượng nghiên cứu: *Biện pháp nhằm nâng cao chất lượng học môn Luyện từ và câu cho HS ở lớp 4*.

- Khách thể nghiên cứu: Học sinh lớp 4, Trường Tiểu học Thuận Mỹ

IV. Phạm vi nghiên cứu

- SGK Tiếng Việt 4
- SGV Tiếng Việt lớp 4
- Chuẩn kiến thức kĩ năng Tiếng Việt lớp 4
- Các phương pháp dạy học Tiếng Việt.
- Một số dạng bài tiêu biểu trong phân môn Luyện từ và câu ở lớp 4.
- Luyện tập Tiếng Việt lớp 4.
- Luyện từ và câu nâng cao lớp 4

PHẦN THỨ HAI: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

“MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỌC MÔN LUYỆN TỪ VÀ CÂU CHO HỌC SINH Ở LỚP 4”

I. CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Cơ sở khoa học:

Là người Việt Nam, mỗi chúng ta ai cũng tự nhận thấy rằng ngôn ngữ chúng ta hết sức phong phú và đa dạng. Mỗi con người ngay từ khi sinh ra đến tuổi đi học đều hình thành cho mình vốn ngôn từ Tiếng Việt, quy tắc giao tiếp nhất định. Bởi vậy, để tăng nhanh được vốn từ, để chính xác hóa nội dung ngữ nghĩa của từ cũng như thúc đẩy việc hình thành kĩ xảo ngữ pháp diễn ra một cách nhanh chóng, thuận lợi không thể không chú ý đến việc rèn luyện, trau dồi cho các em vốn kiến thức về Tiếng Việt qua phân môn Luyện từ và câu. Kế thừa và phát huy những ưu điểm của chương trình cũ đồng thời cũng để tạo ra phong thái mới trong dạy và học hiện nay, chương trình SGK mới ra đời với mong muốn sẽ giúp cho học sinh tiếp cận một cách dễ dàng hơn với môn tri thức mới. Với phân môn Luyện từ và câu sẽ giúp học sinh:

+ Mở rộng hệ thông hóa vốn từ và trang bị cho học sinh một số hiểu biết sơ giản về từ và câu.

+ Rèn luyện cho học sinh kĩ năng dùng từ đặt câu và sử dụng các dấu câu.

+ Bồi dưỡng cho học sinh thói quen dùng từ đúng, nói và viết thành câu; rèn luyện ý thức sử dụng Tiếng Việt có văn hóa trong giao tiếp.

Với mục đích như vậy, việc dạy học Luyện từ và câu chiếm vị trí hết sức to lớn trong nhà trường cũng như cung cấp cho các em những tri thức cần thiết để đi sâu vào tìm hiểu các lĩnh vực khác.

2. Cơ sở thực tiễn:

Qua thực tế giảng dạy, tôi thấy còn một số hạn chế ảnh hưởng không nhỏ đến việc học Tiếng Việt nói chung và phân môn Luyện từ và câu nói riêng. Cụ thể là:

a. Về phía giáo viên:

+ **Ưu điểm** : Giáo viên được trang bị đầy đủ sách giáo khoa, sách giáo viên, tranh ảnh và các đồ dùng dạy học hiện đại phục vụ cho việc giảng dạy.

+ **Tồn tại** : Còn một số giáo viên chưa quan tâm đến việc làm giàu vốn từ, sửa lỗi cho học sinh khi các em nói sai, viết sai,... chưa kích thích được sự ham muốn, yêu thích môn học này của học sinh.

b. Về phía học sinh:

+ **Ưu điểm** : Các em có đủ sách giáo khoa, sách vở bài tập . Được sự quan tâm ủng hộ nhiệt tình của các bậc phụ huynh.

+ **Tồn tại** : - Khả năng tiếp thu của học sinh trong lớp không đồng đều . Một số em chưa thích học phân môn Luyện từ và câu.

- Một số học sinh còn chậm, nhút nhát, chưa có thói quen đọc và tìm hiểu kỹ yêu cầu dẫn tới thường nhầm lẫn giữa các bài, lựa chọn câu trả lời chưa bám sát vào yêu cầu bài để tìm lời giải thích hợp với đề bài cho.

- Một số em tiếp thu bài một cách thụ động, ghi nhớ bài còn máy móc nên còn chóng quên kiến thức.

II. THỰC TRẠNG THỰC TẾ KHI CHƯA THỰC HIỆN:

- Năm học 2023 - 2024, lớp tôi chủ nhiệm có 29 học sinh. Để biết được cụ thể số lượng học sinh nói đúng, sử dụng linh hoạt từ ngữ nói và viết khi học phân môn này của lớp ra sao. Ngay từ khi mới nhận lớp tôi đã khảo sát cho 29 học sinh. Kết quả điều tra cụ thể như sau:

Bảng khảo sát trước khi áp dụng

Số HS	Bài đúng, câu đầy đủ		Bài đúng, câu chưa đầy đủ		Bài dùng từ ngữ và câu chưa linh hoạt	
	Số HS	Số %	Số HS	Số %	Số HS	Số %
30HS	8	26,6	12	40,1	10	33,3

Dựa vào kết quả ở bảng trên tôi thấy, năm học này đa số các em đã làm bài đúng nhưng dùng từ ngữ đúng khi nói và viết chưa đầy đủ.

III. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN THỰC TRẠNG:

- **Nguyên nhân thứ nhất** : GV chưa thực sự quan tâm chất lượng HS, từ đó đã không phụ đạo ,sửa chữa kịp thời nội dung hay sai.

- **Nguyên nhân thứ hai** : GV cho rằng SGK là pháp lệnh nên đã quá bám sát nội dung sách quên đi tình hình thực tế, không chú ý đối tượng học thuộc mức độ, trình độ nhận thức như thế nào.

- **Nguyên nhân thứ ba** : Quy tắc bài học được GV trang bị, áp đặt sẵn hoặc liên hệ quá nhiều kiến thức đã học hay đơn điệu hoá phương pháp mà không để HS tự chiếm lĩnh qua các kiến thức

- **Nguyên nhân thứ tư** : Lỗi từ phía HS, các em không thích học Luyện từ và câu, không có thói quen xung phong phát biểu, xung phong lên bảng thực hiện bài, chỉ thụ động chờ nhìn bài của bạn hoặc có em lại quá hiếu động, hay làm việc riêng nên không chú ý nghe hướng dẫn, sửa bài.

Trước những thực trạng đó, tôi nhận thấy mình cần phải có những giải pháp giúp các em nâng cao chất lượng học môn Luyện từ và câu đạt hiệu quả cao nhất.

IV. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:

Xuất phát từ mục đích nghiên cứu, qua điều tra thực trạng ban đầu, tôi đã nghiên cứu và tìm ra các giải pháp nâng cao chất lượng học môn Luyện từ và câu cho học sinh.

“ Những biện pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng môn Luyện từ và câu lớp 4 .”

Biện pháp 1: Phát huy tính tích cực của học sinh bằng hình ảnh trực quan:

Muốn phát huy được tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh người giáo viên phải có hệ thống câu hỏi trong mỗi bài phải thật cụ thể phù hợp với mọi đối tượng học sinh.

Ví dụ : Bài “Mở rộng vốn từ Nhân hậu - Đoàn kết” (trang 17)

Bài 1: Tìm các từ ngữ:

- Thể hiện lòng nhân hậu, tình cảm yêu thương đồng loại.
- Trái nghĩa với nhân hậu hoặc yêu thương.

Ở bài tập này, tôi hướng dẫn học sinh như sau:

- Dựa vào các bài Tập đọc “Đế Mèn bênh vực kẻ yếu”, bài Chính tả “Mười năm công bạn đi học” để tìm các từ theo các yêu cầu của bài tập.

- Cho học sinh xem một trích đoạn đĩa hình về cảnh cứu trợ, ủng hộ đồng bào gặp thiên tai, ủng hộ người nghèo... để giúp các em liên hệ tìm từ dễ hơn.

- Các em có thể tìm: tương thân tương ái, đùm bọc, khó khăn, hoạn nạn, thiên tai, đoàn kết, chia sẻ, cảm thông...

→ Với cách làm này, học sinh dễ dàng tìm từ mà không bị nhầm và sai từ, các em tìm được nhiều từ khá phong phú.

Biện pháp 2: Bồi dưỡng học sinh năng khiếu, nâng cao chất lượng đại trà:

Một lớp học bao giờ cũng có nhiều đối tượng như học sinh khá, giỏi, học sinh trung bình và có thể có cả học sinh yếu. Các bài tập trong sách giáo khoa theo yêu cầu của **Chuẩn kiến thức, kĩ năng** thì mọi đối tượng học sinh đều phải đạt được. Hơn nữa

nhà trường tổ chức học hai buổi trên ngày nên có nhiều thời gian rèn luyện thêm vào buổi chiều. Chính vì vậy, bản thân tôi nhận thấy cần phải có các bài tập dành cho học sinh năng khiếu, từng bước nâng cao chất lượng học sinh trung bình và yếu là việc làm thường xuyên trong các giờ học.

Ví dụ: Bài *Mở rộng vốn từ: Ý chí - Nghị lực*

Buổi sáng, các em đã được làm các bài tập trong SGK. Đến buổi chiều, tôi xây dựng thêm hệ thống bài tập cho các em rèn luyện thêm như sau:

Bài tập 1: Chọn từ thích hợp trong các từ sau để điền vào ô trống: *ý chí, quyết chí, chí hướng, chí thân*.

- a. Nam là người bạn của tôi.
- b. Hai người thanh niên yêu nước ấy cùng theo đuổi một.....
- c.của Bác Hồ cũng làcủa toàn thể nhân dân Việt Nam.

→Việc xây dựng bài tập để luyện tập củng cố như trên càng giúp học sinh ghi nhớ sâu những kiến thức đã học.

Biên pháp 3: Phối hợp bài dạy với các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Ví dụ 1 : Tổ chức các cuộc thi; hội vui học tập, giao lưu học sinh giỏi....

Ví dụ 2 : Qua trò chơi *Rung chuông vàng*, tôi hướng dẫn học sinh chơi như sau:

- Bước 1: Phổ biến luật chơi.
- Bước 2: Nêu yêu cầu chơi.

Học sinh suy nghĩ, lần lượt viết vào bảng con các từ thích hợp trong ngoặc để hoàn chỉnh các câu thành ngữ. Sau thời gian quy định học sinh sẽ giơ bảng. Em nào sai sẽ bị loại đứng sang một bên và phải hát một bài hoặc làm một động tác gây cười cho cả lớp mới được quay lại “sàn thi đấu”

- Bước 3: Yêu cầu học sinh chơi. Sau đó tôi chốt lời giải đúng cho học sinh ghi nhớ các câu thành ngữ đã hoàn chỉnh.

=> Tóm lại trong dạy học, tạo hứng thú cho học sinh là rất quan trọng. Nó gần như quyết định hiệu quả của việc dạy học.

Biên pháp 4: Thay đổi ngữ liệu yêu cầu của bài trong Sách giáo khoa sao cho phù hợp với thực tế và tư duy của học sinh.

- Ví dụ : Trong bài: *Luyện tập câu kể Ai là gì?*

Bài tập số 3: Có lần, em cùng một số bạn trong lớp đến thăm bạn Hà bị ốm. Em giới thiệu với bố mẹ bạn Hà từng người trong nhóm. Hãy viết một đoạn văn ngắn kể lại chuyện đó (có dùng câu kể "Ai là gì?").

- Trong lớp sẽ có học sinh chưa từng đi thăm bạn ốm cùng nhau, vậy học sinh sẽ sử dụng câu kể Ai là gì? để giới thiệu với bố mẹ bạn ra sao? Chính vì vậy, để các em có thể viết được đoạn văn này, tôi mạnh dạn thay đổi ngữ liệu như sau:

Bài tập số 3: Có lần, em cùng một số bạn trong lớp đến nhà bạn chơi, dự sinh nhật bạn hay thăm bạn ốm,... Em giới thiệu với bố mẹ bạn từng người trong nhóm. Hãy viết một đoạn văn ngắn kể lại buổi đi thăm đó (có dùng câu kể "Ai là gì?").

→ Với biện pháp này, học sinh thực sự dễ hình dung và viết đoạn văn chân thực, phong phú hơn rất nhiều.

Biện pháp 5: Giáo viên cần khai thác triệt để sức mạnh của các phương pháp dạy học luyện tập theo mẫu, phương pháp phân tích ngôn ngữ, phương pháp thực hành giao tiếp.

*** Phương pháp luyện tập theo mẫu**

Là phương pháp dạy học mà giáo viên đưa ra các mẫu cụ thể về lời nói hoặc mô hình lời nói (cũng có thể cùng học sinh xây dựng mẫu lời nói) để thông qua đó hướng dẫn học sinh tìm hiểu đặc điểm của mẫu, có thể tạo mẫu, từ mẫu đó học sinh biết cách tạo ra các đơn vị lời nói theo định hướng của mẫu.

Ví dụ: Khi dạy học về dấu câu với bài tập

Em đặt dấu phẩy vào những chỗ nào trong mỗi câu dưới đây?

a, Vì thương dân Chữ Đồng Tử và công chúa đi khắp nơi dạy dân cách trồng lúa nuôi tằm dệt vải.

b, Vì nhớ lời mẹ dặn không được làm phiền người khác, chị em Xô-phi đã về ngay.

Để giúp học sinh làm được bài tập này giáo viên hướng dẫn học sinh làm mẫu một phần chẳng hạn khi làm mẫu câu và bài tập trên. Giáo viên đọc lên câu đó (thể hiện rõ chỗ nghỉ hơi sau trạng ngữ và các thành phần cùng loại rồi nói: Trong câu a, chúng ta cần dùng đúng dấu phẩy, để tách các từ ngữ chỉ nguyên nhân (vì thương dân) với bộ phận câu còn lại và tách các loại công việc được kể ở trong câu với nhau (cách trồng lúa, nuôi tằm, dệt vải...). Khi đọc ta nghỉ hơi nhẹ sau dấu phẩy.

" Vì thương dân, /Chữ Đồng Tử và công chúa đi khắp nơi dạy dân cách trồng lúa, /nuôi tằm, /dệt vải".

Sau khi làm mẫu và suy ra cách làm bài các bài tập tương tự còn lại giáo viên có thể lưu ý học sinh : Nếu trong câu nhắc đến nhiều nguyên nhân thì phải dùng dấu phẩy để tách các nguyên nhân đó với nhau.

*** Phương pháp phân tích ngôn ngữ**

Yêu cầu phân tích ngôn ngữ đối với học sinh Tiểu học chỉ ở mức độ đơn giản, với sự giúp đỡ, gợi ý, hướng dẫn tỉ mỉ của giáo viên. Bởi vậy phương pháp này được áp dụng để dạy học dấu câu nhằm giúp học sinh làm rõ cấu trúc các kiểu đơn vị được học trong chương trình.

Ví dụ: Khi hướng dẫn học sinh làm bài tập.

Chép đoạn văn dưới đây vào vở sau khi đặt dấu chấm vào chỗ thích hợp và viết hoa những chữ đầu câu:

Ông tôi vốn là thợ gò hàn vào loại giỏi có lần, chính mắt tôi đã nhìn thấy ông tán đinh đồng chiếc búa trong tay ông hoa lên, nhát nghiêng, nhát thẳng, nhanh đến mức tôi không thể thấy được, mặt ông phát phơ những sợi tơ mỏng của Ông là niềm tự hào của cả gia đình tôi.

Với bài tập này giáo viên hướng dẫn học sinh đọc lướt, tìm các câu được viết theo các mẫu đã học (Ai là gì? Ai làm gì? Ai thế nào?) rồi tách riêng các câu đó ra.

Ông tôi vốn là thợ hàn loại giỏi. // Có lần, chính mắt tôi đã nhìn thấy ông tán đinh đồng. Chiếc búa trong tay ông hoa lên, nhát nghiêng, nhát thẳng, nhanh đến mức tôi không thể thấy được, mặt ông phát phơ những sợi tơ mỏng // Ông là niềm tự hào của cả gia đình tôi.

Khi đã xác định được các câu đã viết theo các mẫu đã học, các em có thể tìm cách ngắt câu, bằng cách đọc lên sau khi xác định nghỉ hơi hoặc giáo viên có thể chuyển thành bài tập trắc nghiệm nhiều lựa chọn để học sinh lựa chọn, để học sinh thực hiện. Cụ thể học sinh phải đặt được dấu câu cho đoạn còn lại như sau: "Có lần, chính mắt tôi đã nhìn thấy ông tán đinh đồng chiếc búa trong tay ông hoa lên, nhát nghiêng, nhát thẳng, nhanh đến mức tôi không thể thấy được, mặt ông phát phơ những sợi tơ mỏng".

*** Phương pháp thực hành giao tiếp**

Với phương pháp này không chỉ hướng học sinh vận dụng lí thuyết được học vào thực hiện các nhiệm vụ của quá trình giao tiếp mà còn là phương pháp cung cấp lí thuyết cho học sinh. Trong quá trình giao tiếp : Chẳng hạn, khi dạy xong bài Luyện từ và câu : Câu kể Ai làm gì? giáo viên có thể cho học sinh làm việc theo nhóm 4-8 để các em tự giới thiệu về gia đình mình.

Sau khi các em thảo luận các em trong nhóm có thể tự giới thiệu về công việc của bố mẹ mình, anh chị, ông, bà. Như thế sẽ tạo ra không khí giờ học và giúp các em hiểu nhau hơn.

Khi vận dụng phương pháp này thì chúng ta đã kiểm tra được kĩ năng sử dụng từ đặt câu và giúp học sinh rèn được kĩ năng học tập mới.

Biên pháp 6: Năm vững phương pháp dạy một số dạng bài tiêu biểu:

DẠNG 1: CẤU TẠO TỪ

1 . Hướng dẫn và tổng hợp cho học sinh ghi nhớ nội dung kiến thức .

Khi giảng dạy, tôi luôn cố gắng rèn học sinh trong các giờ học. Tổng hợp cho học sinh hiểu và ghi nhớ những kiến thức trọng tâm.

* Từ ghép: Là từ do hai hoặc nhiều tiếng có nghĩa ghép lại tạo thành nghĩa chung. Từ ghép được chia thành hai kiểu:

- *Từ ghép có nghĩa tổng hợp*: Là từ ghép mà nghĩa của nó biểu thị những loại rộng hơn, lớn hơn, khái quát hơn so với nghĩa các tiếng trong từ.

- *Từ ghép có nghĩa phân loại*: Thường gồm có hai tiếng, trong đó có một tiếng chỉ loại lớn và một tiếng có tác dụng chia loại lớn đó thành loại nhỏ hơn.

* Từ láy: Là từ gồm hai hay nhiều tiếng láy nhau. Các tiếng láy có thể có một phần hay toàn bộ âm thanh được lặp lại.

- Căn cứ vào bộ phận được lặp lại, người ta chia từ láy thành bốn kiểu: Láy tiếng, láy vần, láy âm, láy cả âm và vần.

- Căn cứ vào số lượng tiếng được lặp lại, người ta chia thành ba dạng từ láy: láy đôi, láy ba, láy tư.

2. Hướng dẫn học sinh cách phân định ranh giới từ.

Để xác định được từ nào đó là một từ (từ phức) hay hai từ đơn bằng cách xem xét tổ hợp ấy về hai mặt: *kết cấu và nghĩa*.

* Về mặt kết cấu, tôi hướng dẫn học sinh dùng thao tác chêm, xen:

Ví dụ : *tung cánh* Tung đôi cánh
 lướt nhanh Lướt rất nhanh

- Tôi yêu cầu học sinh so sánh từ *tung cánh* với từ *tung đôi cánh* có gì khác nhau?
- Quan hệ giữa các tiếng trong từ như thế nào?
- Sau đó tôi chốt cho học sinh hiểu nếu quan hệ giữa các tiếng trong từ mà lỏng lẻo, dễ tách rời, có thể chêm, xen một tiếng khác từ bên ngoài vào mà nghĩa của từ về cơ bản vẫn không thay đổi thì đó là hai từ đơn.

* Về mặt nghĩa:

- Nếu tổ hợp đó gọi tên, một sự vật hiện tượng trong thế giới khách quan hay biểu đạt một khái niệm về sự vật, hiện tượng thì tổ hợp ấy là một từ ghép.

Ví dụ: Mặt hồ, sóng thần, bánh rán....

- Tôi hướng dẫn để học sinh hiểu một số từ gọi tên hai hay nhiều sự vật hiện tượng trong thế giới khách quan hay biểu đạt nhiều khái niệm về sự vật, hiện tượng thì từ ấy là kết hợp của hai hay nhiều từ đơn.

Ví dụ: trái rộng, chạy đi,....

Lưu ý học sinh:

+ Có những từ mang tính chất trung gian, nghĩa của nó mang đặc điểm của cả hai loại (từ phức và hai từ đơn). Trong trường hợp này, tùy từng trường hợp cụ thể mà ta có kết luận nó thuộc loại nào.

+ Khả năng dùng một yếu tố thay cho cả từ cũng là cách để chúng ta xác định từ cách từ.

Ví dụ: Mùa xuân những *cánh én* đã bay về. (*cánh én* chỉ con chim én)

Những bắp ngô chỉ còn chờ *tay người* đến mang về. (*tay người* chỉ con người).

DẠNG 2: TỪ LOẠI

1. Hướng dẫn và tổng hợp cho học sinh những kiến thức cần ghi nhớ về danh từ, động từ, tính từ.

* **Danh từ:** là những từ dùng chỉ sự vật; người, vật, hiện tượng, khái niệm, đơn vị,... Có hai loại danh từ đó là danh từ chung và danh từ riêng.

- **Danh từ chung:** Dùng để gọi chung tên của các sự vật
Tôi yêu cầu học sinh cho ví dụ cụ thể cho mỗi loại danh từ:

- + Danh từ chỉ người: bố, mẹ, học sinh, bộ đội,...
- + Danh từ chỉ vật: bàn ghế, sách vở, sông, suối, cây cối,...
- + Danh từ chỉ hiện tượng: nắng, mưa, gió, bão, động đất,...

+ Danh từ chỉ đơn vị: (ghép được với số đếm).

- **Danh từ khái niệm** : Là các khái niệm trừu tượng tồn tại trong nhận thức của người, không nhìn được bằng mắt. Không cảm nhận được bằng các giác quan. Ví dụ: đạo đức, kinh nghiệm, cách mạng, tư tưởng, tinh thần, hạnh phúc, cuộc sống, lịch sử, tình yêu, niềm vui,...

- **Danh từ riêng**: Dùng chỉ các tên riêng của người hoặc địa danh.

Ví dụ:

+ Chỉ tên người: Phạm Đức Hải Huy, Thu Hiền,...

+ Từ dùng với ý nghĩa đặc biệt: Người, Bác Hồ,...

- Danh từ có thể kết hợp với các từ chỉ số lượng ở phía trước, các từ chỉ định ở phía sau và một số từ ngữ khác để lập thành cụm danh từ. **Cụm danh từ là loại tổ hợp từ do danh từ và một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.**

* **Động từ**: Động từ là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.

Ví dụ : - Đi, chạy ,nhảy,... (động từ chỉ hoạt động)

-Vui, buồn, giận, ... (động từ chỉ trạng thái)

Khi dạy những bài về động từ, tôi lưu ý học sinh về động từ chỉ trạng thái:

- Đặc điểm ngữ pháp nổi bật nhất của động từ chỉ trạng thái là:

+ Động từ chỉ hoạt động có thể kết hợp với từ *xong* ở phía sau (ăn xong, đọc xong,...)

+ Động từ chỉ trạng thái không kết hợp với *xong* ở phía sau (không nói: còn xong, hết xong, kính trong xong,...).

***Tính từ** : Tính từ là những từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái,...

Tôi chốt cho học sinh có hai loại tính từ đáng chú ý là:

- Tính từ chỉ tính chất chung không có mức độ (xanh, tím, sâu, vắng,)

-Tính từ chỉ tính chất có xác định mức độ :mức độ cao nhất (xanh lè , tím ngắt , sâu hoắm , vắng tanh ,...)

Sau khi học sinh nắm chắc các khái niệm về tính từ, tôi hướng dẫn cho học sinh hiểu thế nào là cụm tính từ:

- Tính từ có thể kết hợp với các từ chỉ mức độ như: *rất, hơi, lắm, quá, cực kì, vô cùng,...* để tạo thành **cụm tính từ** (khả năng kết hợp với các phụ từ mệnh lệnh (như động từ) ngay trước nó là rất hạn chế).

2. Hướng dẫn học sinh phân biệt từ chỉ đặc điểm, từ chỉ tính chất, từ chỉ trạng thái.

- **Từ chỉ đặc điểm**: Đặc điểm là nét riêng biệt, là vẻ riêng của một sự vật nào đó (có thể là người, con vật, đồ vật, cây cối,...). Đặc điểm của một vật chủ yếu là đặc điểm bên ngoài (ngoại hình) mà ta có thể nhận biết trực tiếp qua mắt nhìn, tai nghe, tay sờ, mũi ngửi,... Đó là các nét riêng, vẻ riêng về màu sắc, hình khối, hình dáng, âm thanh,...của sự vật. Đặc điểm của một vật cũng có thể là đặc điểm bên trong mà qua quan sát, suy luận, khái quát,... ta mới có thể nhận biết được. Đó là các đặc điểm về

tính tình, tâm lí, tính cách của một người, độ bền, giá trị của một đồ vật... Từ chỉ đặc điểm là từ biểu thị các đặc điểm của sự vật, hiện tượng như đã nêu ở trên.

VD: + *Từ chỉ đặc điểm bên ngoài: cao, thấp, rộng, hẹp, xanh, đỏ,...*

+ *Từ chỉ đặc điểm bên trong: tốt, ngoan, chăm chỉ, bền bỉ,...*

- *Từ chỉ tính chất*: Tính chất cũng là đặc điểm riêng của sự vật, hiện tượng (bao gồm cả những hiện tượng xã hội, những hiện tượng trong cuộc sống,...), nhưng thiên về đặc điểm bên trong, ta không quan sát trực tiếp được, mà phải qua quá trình quan sát, suy luận, phân tích, tổng hợp ta mới có thể nhận biết được. Do đó, từ chỉ tính chất cũng là từ biểu thị những đặc điểm bên trong của sự vật, hiện tượng.

Ví dụ: *Tốt, xấu, ngoan, hư, nặng, nhẹ, sâu sắc, nông cạn, suôn sẻ, hiệu quả, thiết thực,...*

- *Từ chỉ trạng thái*: Tôi hướng dẫn cho học sinh hiểu *Trạng thái* là tình trạng của một sự vật hoặc một con người, tồn tại trong một thời gian nào đó. *Từ chỉ trạng thái* là từ chỉ trạng thái tồn tại của sự vật, hiện tượng trong thực tế khách quan.

Ví dụ: Trời đang đứng gió .

Người bệnh đang hôn mê.

Cảnh vật yên tĩnh quá.

Mặt trời toả ánh nắng rực rỡ.

Xét về mặt từ loại, *từ chỉ trạng thái* có thể là động từ, có thể là tính từ hoặc mang đặc điểm của cả động từ và tính từ (*từ trung gian*), song theo như định hướng trong nội dung chương trình SGK, ở cấp tiểu học, tôi hướng dẫn học sinh xếp chúng vào nhóm động từ.

DẠNG 3: CÂU PHÂN LOẠI THEO MỤC ĐÍCH NÓI.

1. Giáo viên hệ thống, tổng hợp kiến thức cho học sinh.

**Câu hỏi: (Tuần 13- Lớp 4)*

- Câu hỏi (còn gọi là câu nghi vấn) dùng để hỏi về những điều chưa biết.
- Phần lớn câu hỏi là để hỏi người khác, nhưng cũng có câu hỏi dùng để tự hỏi mình.

- Câu hỏi thường có các từ nghi vấn: *ai, gì, nào, sao, không,...* Khi viết, cuối câu hỏi phải có dấu chấm hỏi.

**Câu kể: (Tuần 16- Lớp 4)*

- Câu kể (còn gọi là câu trần thuật) là câu nhằm mục đích kể, tả hoặc giới thiệu về sự vật, sự việc; hoặc dùng để nói lên ý kiến hoặc tâm tư của người. Cuối câu kể phải ghi dấu chấm.

- Câu kể có các cấu trúc: *Ai làm gì? Ai thế nào? Ai là gì?*

** Câu khiến: (Tuần 27- Lớp 4)*

- Câu khiến (câu cầu khiến, câu mệnh lệnh) dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn,... của người nói, người viết với người khác.

- Khi viết, cuối câu khiến ghi dấu chấm than hoặc dấu chấm.

- Muốn đặt câu khiến, có thể dùng một trong những cách sau:

- + Thêm từ *hãy* hoặc *đừng, chớ, nên, phải*,... vào trước động từ.
- + Thêm từ *lên* hoặc *đi, thôi, nào*,... vào cuối câu.
- + Thêm từ *đề nghị* hoặc *xin, mong*,... vào đầu câu.

- Dùng giọng điệu phù hợp với câu khiến.

Trong giảng dạy tôi lưu ý cho học sinh: Khi nêu yêu cầu, đề nghị, phải giữ phép lịch sự. Muốn vậy, cần có cách xưng hô cho phù hợp và thêm vào trước hoặc sau động từ các từ *Làm ơn, giùm, giúp*,...

- Ta cũng có thể dùng câu hỏi để nêu yêu cầu, đề nghị.

*** Câu cảm:** (Tuần 30- Lớp 4)

- Câu cảm (câu cảm thán) là câu dùng để bộc lộ cảm xúc (vui mừng, thán phục, đau xót, ngạc nhiên,...) của người nói.

- Trong câu cảm, thường có các từ: *Ôi, chao, chà, quá, lắm, thật*,... Khi viết, cuối câu cảm thường có dấu chấm than.

DẠNG 4: CÁC THÀNH PHẦN CỦA CÂU: CHỦ NGỮ, VỊ NGỮ, TRẠNG NGỮ.

1 . Hệ thống, tổng hợp kiến thức cho học sinh:

- Câu được phân tích ra thành nhiều thành phần, trong đó có những thành phần chính và những thành phần phụ.

- *Chủ ngữ (CN)*

- *Vị ngữ (VN)*

- *Trạng ngữ (TN)*

2 . Hướng dẫn học sinh làm bài tập:

Với những câu mang nội dung thông báo kếp học sinh rất dễ bị nhầm lẫn khi xác định chủ ngữ và vị ngữ. Tôi đưa ra ví dụ cho học sinh phân tích và tìm hiểu.

Ví dụ:

a- Con gà / to, ngon.

b- Con gà to / ngon.

c- Những con voi về đích trước tiên / hươu vùi chào khán giả.

d- Những con voi / về đích trước tiên, hươu vùi chào khán giả .

e - Suối chảy / róc rách.

f -Tiếng suối chảy / róc rách.

Tôi hướng dẫn học sinh như sau:

- Yêu cầu xác định đúng mẫu câu:

Ở phần này, khi hướng dẫn HS tìm chủ ngữ, vị ngữ, tôi yêu cầu HS xác định đúng mẫu câu (*Ai là gì? Ai làm gì ?Ai thế nào?*)

Tôi hỏi HS: + Câu này thuộc mẫu câu nào ?

+ Mục đích thông báo chính của câu là gì?

- Tôi hướng dẫn cụ thể như sau:

Ví dụ a) và b):

+ GV hỏi: Câu “*Con gà to, ngon*” ý nói gì ?

HSTL: ý nói con gà vừa to, vừa ngon.

+ GV: Vậy *to* và *ngon* cùng giữ chức vụ gì trong câu?

HSTL: là hai vị ngữ song song, chủ ngữ trong câu là *Con gà*

+ GV câu “*Con gà to ngon*” ý nói gì?

Nếu học sinh không hiểu thì tôi gợi ý giúp các em: vì không có dấu phẩy tách giữa *to* và *ngon* nên ta phải hiểu là: *Con gà to thì ngon*. Nội dung thông báo chính ở đây là: *Con gà ngon*.

Vậy vị ngữ chỉ là *ngon*. Còn *to* bỏ nghĩa cho danh từ *Con gà*. Do đó chủ ngữ là *Con gà to*.

Ví dụ c) và d):

Câu: “*Những con voi về đích trước tiên, hươu vùi chào khán giả*”

- Tôi gợi ý để học sinh hiểu tương tự như trên: Nội dung câu thông báo có hai ý:

+ Ý 1 là: *Những con voi về đích trước*.

+ Ý 2 là: *Những con voi hươu vùi chào khán giả*.

Vậy có hai vị ngữ song song là: *về đích trước tiên* và *hươu vùi chào khán giả*, còn chủ ngữ chỉ là: *Những con voi*.

Câu “*Những con voi về đích trước tiên hươu vùi chào khán giả*”

- Tôi giúp học sinh hiểu là: *Những con voi về đích trước tiên đã hươu vùi chào khán giả*. Nội dung thông báo chính là: *Những con voi đã hươu vùi chào khán giả*.

Vậy *hươu vùi chào khán giả* là vị ngữ, còn *về đích trước tiên* bỏ nghĩa cho *Những con voi* đứng ở khối chủ ngữ.

Ví dụ e) và f):

- Suối chảy róc rách.

+ Tôi hỏi học sinh: *Suối thế nào?* (Suối “*chảy róc rách*”).

+ Tôi yêu cầu học sinh xác định chủ ngữ và vị ngữ.

Giáo viên chốt: *chảy róc rách* là vị ngữ. Còn *Suối* là chủ ngữ .

- Tiếng suối chảy róc rách.

+ Tôi hỏi học sinh: *Tiếng suối như thế nào?*

+ Nếu học sinh trả lời là: Tiếng suối “*chảy róc rách*”

+ Thì tôi hỏi lại: *Tiếng suối có chảy được không?* (không chảy được mà chỉ nghe được bằng tai).

+ Vậy tiếng suối ở đây nghe như thế nào?(nghe róc rách).

Tôi chốt cho học sinh: Vậy vị ngữ phải là *róc rách*, còn *chảy* làm rõ nghĩa cho *Tiếng suối* (đứng ở khối chủ ngữ).

Biên pháp 7: Phối kết hợp với gia đình , nhà trường và xã hội.

-Ngay từ đầu năm học tôi có tham mưu với Ban giám hiệu về việc khen thưởng vinh danh học sinh có thành tích .Cụ thể sau mỗi tuần học sinh tham gia thi Đấu trường Toán học Vioedu khu vực , Trạng nguyên Tiếng Việt nếu đạt trong top 100 sẽ được tuyên dương vào giờ chào cờ thứ hai tuần sau.

Sau một tháng , nếu em nào có 3 tuần / 4 tuần lọt tốp 100 thì được thưởng một quyển vở và giấy khen do Hiệu trưởng kí khen.Đồng thời hình ảnh các em được vinh danh trên trang web của nhà trường.

Khi mà các bạn được tuyên dương trước cờ thích lắm ,hãnh diện lắm và càng muốn phấn đấu ở những tuần sau. Còn những bạn chưa được khen cũng nhìn vào đó để phấn đấu để được khen nên càng chăm chỉ luyện tập.

Trong phong trào “ Tiếng trống học bài ” : Cứ vào mỗi buổi tối ,khi đồng hồ điểm 19h những ca từ ngọt ngào cùng một hồi trống thúc giục,những hiệu lệnh vang lên văng vẳng trên hệ thống loa truyền thanh của xã Thuần Mỹ báo hiệu giờ học bài đã đến. Giáo viên chủ nhiệm cùng với Ban giám hiệu , bí thư chi bộ của thôn ,cán bộ thôn thường xuyên kiểm tra , đôn đốc việc học tập của các con sau này dần trở thành thói quen của mỗi gia đình ,mỗi học sinh.

- **ẢNH 3**

PHẦN THỨ BA: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Để nâng cao hiệu quả giảng dạy phân môn Luyện từ và câu ở lớp 4 trước hết giáo viên phải làm cho học sinh thấy rõ Tiếng Việt rất lý thú và bổ ích.Phân môn Luyện từ và câu giúp học sinh hiểu được sự phong phú cái hay, cái đẹp của Tiếng Việt, nâng cao cảm thụ thẩm mỹ . Với vai trò quan trọng như vậy, bản thân tôi trong quá trình làm đề tài cũng có nhiều trăn trở, tìm tòi để làm sao tìm được phương pháp tối ưu nhất để nâng cao hiệu quả dạy học Luyện từ và câu ở lớp 4. Đây còn là vấn đề bức thiết để đáp ứng nhu cầu học tập cho bản thân học sinh ngay từ bậc học đầu tiên các em mới bước vào ngưỡng cửa văn hóa giáo dục, phải trang bị cho các em vốn từ phong phú, chính xác để giúp các em đi vào cuộc sống, tạo cho các em thói quen biết sử dụng tiếng việt có văn hóa.

Tiếng Việt rất giàu và rất đẹp có thể diễn tả được tất cả các sắc thái tình cảm rất tinh tế trong suy nghĩ của mỗi người. Chúng ta sẽ không hài lòng khi đọc một bài văn, một suy nghĩ, ý kiến của các em mà vốn từ còn nghèo nàn, cách diễn đạt thiếu trôi chảy, mạch lạc. Trách nhiệm đó một phần thuộc về người giáo viên Tiểu học. Muốn dạy tốt môn Luyện từ và câu ở lớp 4 thì GV cần:

- Luôn đổi mới phương pháp dạy học để cuốn hút học sinh say mê học tập.
- Giáo viên cần soạn bài kỹ, soạn trước một tuần.
- Học sinh có sự chuẩn bị trước bài ở nhà thật chu đáo.
- Giáo viên cần dạy đủ, đúng nội dung tiết chính khoá và ngoại khoá.
- Chấm chữa bài kỹ, thường xuyên.
- Đánh giá, kiểm tra, động viên học sinh kịp thời.

* Trong quá trình áp dụng các biện pháp trong môn học Luyện từ và câu lớp 4 đã giúp cho kết quả chung của môn Tiếng Việt cũng cao hơn, cụ thể:

SS 29 HS	Bài đúng, câu đầy đủ		Bài đúng, câu chưa đầy đủ		Bài dùng từ ngữ và câu chưa linh hoạt	
	Số HS	Số %	Số HS	Số %	Số HS	Số %
Khảo sát đầu năm	8	26,6	12	40,1	10	33,3
Khảo sát cuối năm	22	73,4	6	20	2	6,6

Dựa vào kết quả trên và dựa vào tình hình học trên lớp của học sinh tôi nhận thấy kĩ năng dùng từ ngữ đúng khi nói và viết của các em tăng lên rõ rệt. Cụ thể:

+ Số học sinh **bài đúng, câu đầy đủ** tăng :46,8%

+ Số học sinh **dùng từ ngữ chưa linh hoạt** giảm: 26,7 %

Như vậy việc áp dụng giải pháp giúp học sinh lớp 4 nâng cao chất lượng học phân môn Luyện từ và câu đã mang lại hiệu quả tốt.

Các biện pháp mà tôi áp dụng trong dạy học không những nâng cao chất lượng môn Tiếng Việt mà chất lượng các môn khác cũng nâng cao rõ rệt. Ví dụ như môn Toán các em nắm chắc được nghĩa của từ, từ đó hiểu được đề bài người ta cho biết gì ? yêu cầu gì ? Để làm bài dễ dàng hơn. Hoặc tôi tổ chức các trò chơi làm cho các em hứng thú học. Chính vì vậy mà năm học vừa qua, lớp tôi có một học sinh là em : **Hoàng Thảo My đạt giải khuyến khích cấp huyện trong kì thi Đấu trường Vioedu Tiếng Việt** .

Trong quá trình áp dụng các biện pháp nêu trên , tôi có chia sẻ cho đồng nghiệp dạy cùng khối với tôi là cô Hoàng Thị Thắng dạy lớp 4B cùng thực hiện và mang lại hiệu quả cao . Cụ thể : Lớp 4B có em : **Cao Tiến Minh đạt giải ba kì thi Đấu trường Tiếng Việt. Đặc biệt nhờ áp dụng biện pháp phối kết hợp với gia đình ,nhà trường và xã hội mà trong kì thi đấu trường Tiếng Việt Vioedu cấp huyện có 10 em tham gia dự thi thì 2 em đạt giải nhì, 3 em đạt giải ba, 3 em đạt giải khuyến khích.**

***HIỆU QUẢ SÁNG KIẾN:**

a) Khả năng hiểu nghĩa của từ

Tỉ lệ học sinh hiểu nghĩa từ sâu sắc tăng lên, học sinh hiểu nghĩa từ còn hời hợt giảm. Số lượng học sinh hiểu nghĩa từ sâu sắc và tương đối tăng do các em đã nắm bắt được cách học, giáo viên và học sinh đã quen với chương trình mới. Học sinh đã biết sử dụng từ điển Tiếng Việt một cách thành thạo.

b) Khả năng dùng từ, mở rộng vốn từ

Tỉ lệ học sinh dùng từ chính xác và hay tăng lên rõ rệt, số học sinh dùng từ chưa chính xác giảm dần. Giáo viên đã theo dõi quan sát các em trong giao tiếp hàng ngày từ đó sửa chữa cho

học sinh. Số lượng học sinh dùng từ hay tăng, các em đã mạnh dạn hơn trong các hoạt động giao tiếp hằng ngày, đọc sách, ứng dụng thực tế một cách linh hoạt. Hơn nữa, phương pháp dạy của giáo viên cùng với phương pháp học của học sinh đổi mới

rõ rệt theo hướng tích cực hóa hoạt động của người học, tạo cho các em hứng thú trong học tập.

c) Khả năng nhận diện và sử dụng dấu câu, loại câu

Khả năng nhận diện và sử dụng dấu câu, loại câu tốt hơn.

***KHẢ NĂNG ÁP DỤNG CỦA ĐỀ TÀI**

Được nhà trường, đơn vị phổ biến, công khai rộng rãi trong toàn trường, đơn vị cùng thực hiện và có thể nhân ra một số đơn vị có cùng điều kiện.

II. KHUYẾN NGHỊ

Trong công cuộc đổi mới nội dung và phương pháp dạy học, giáo viên là người trực tiếp giảng dạy nên không còn cách nào khác là phải chuẩn bị tốt bài dạy của mình. Đặc biệt là khâu soạn bài dạy. Để tiết dạy đạt hiệu quả cao, cần thực hiện tốt những yêu cầu sau :

- + Xây dựng nề nếp học tập cho học sinh ngay từ đầu, phân loại học sinh đúng trình độ và kế hoạch bồi dưỡng kịp thời.
- + Nghiên cứu, tìm tòi phương pháp áp dụng đúng với nội dung bài học và đúng với trình độ của học sinh.
- + Kết hợp ba môi trường giáo dục, tạo niềm tin say mê học Luyện từ và câu của học sinh.
- + Phát huy được tính tích cực của học sinh, học sinh tự tìm hiểu và khắc sâu kiến thức bài học.
- + Tìm hiểu về đặc điểm tâm sinh lý học sinh.
- + Thu thập kiến thức ở nhiều tài liệu để có phương án dạy học hiệu quả .
- + Tham gia các hội thi, chuyên đề thao giảng.

Qua thực tế giảng dạy, dự giờ đồng nghiệp, tôi đưa ra một số dạng tiêu biểu trong phạm vi kiến thức Luyện từ và câu ở lớp 4, phù hợp với nhận thức của các em. Còn rất nhiều dạng bài hay mà tôi chưa đề cập đến trong đề tài này.

Vì khả năng có hạn nên bài viết không sao tránh khỏi thiếu sót. Tôi rất mong có sự đóng góp ý kiến của các cấp lãnh đạo, giúp cho bài giảng của tôi ngày càng hoàn thiện hơn, kiến thức dày hơn, trình độ chuyên môn vững vàng hơn để đào tạo thế hệ mới trở thành những con người hữu ích cho đất nước.

Tôi cũng mong các cấp lãnh đạo ngành tổ chức cho chúng tôi học tập những kinh nghiệm của các đồng nghiệp để bồi dưỡng chuyên môn cho chúng tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn !

Tôi xin cam đoan đây là SKKN của mình viết, không sao chép nội dung của người khác.

Ba Vì, ngày 6 tháng 4 năm 2024

Người viết

Lương Thị Tốt

